

MỘT NGHIÊN CỨU VỀ NGÔN NGỮ CỔ ĐIỂN VỚI SỰ LIÊN QUAN ĐẶC BIỆT ĐẾN PHẬT GIÁO MỚI (NEO-BUDDHIST)

Giáo sư Tiến sĩ Mahesh A. Deokar*

Tôi vẫn còn nhớ những ngày ấy khi tôi theo đuổi bằng thạc sĩ về văn hóa Pali tại Đại học Pune khi đó vào những năm 1994-1996. Lúc đó tôi chỉ là một sinh viên Ấn Độ duy nhất học tiếng Pali, một ngôn ngữ cổ của kinh điển Phật giáo của trường phái Phật giáo Nguyên Thủy (Theravada). Cảm hứng của riêng tôi để nghiên cứu Pali là về ngôn ngữ và triết học hơn là tôn giáo. Trước khi được giới thiệu về chương trình học Pali, trong quá trình học thạc sĩ đầu tiên về tiếng Phạn, tôi đã học tiếng Phạn trong khoảng tám năm. Nhờ mối quan hệ gần gũi giữa tiếng Phạn và tiếng Pali, tôi nhanh chóng làm quen với những đặc thù ngôn ngữ sau này, và tôi vô cùng cảm động trước sự đơn giản và sức hấp dẫn triết học mạnh mẽ của Pali.

Cho đến khi bước sang thiên niên kỷ mới, tình hình nghiên cứu ngôn ngữ cổ điển này và văn học của nó vẫn ít nhiều không thay đổi. Kể từ khi tôi bắt đầu giảng dạy tiếng Pali tại Đại học Pune vào năm 1996, do việc cấm một vài sinh viên nước ngoài đến từ các quốc gia Phật giáo ở Đông và Đông Nam Á, chúng tôi chỉ có một hoặc hai sinh viên Ấn Độ. Họ cũng đã chọn môn học này không phải vì động cơ thực sự ngay từ ban đầu của họ đối với ngôn ngữ mà chỉ đơn giản là tìm kiếm một kỳ tuyển sinh đại học nào đó mà

* Trường phòng, Đại học Pune , Ấn Độ
Dịch tiếng Việt: Phan Trung Hưng

vì lợi ích không đáng kể. Về mặt khác, các khóa học trong của ngôn ngữ cổ điển khác như tiếng Phạn và Ardhamagadhi đã thu hút một số lượng lớn sinh viên. Động lực của những sinh viên này chủ yếu là về văn hóa hoặc tôn giáo. Phần lớn các sinh viên học tiếng Phạn đến từ một tầng lớp cao của Ấn Độ giáo trong khi những người học Ardhamagadhi đến từ cộng đồng Jain. Vào thời điểm đó, tôi luôn tự hỏi rằng mặc dù có một cộng đồng Phật giáo Ambedkarite rộng lớn ở Pune, nhưng hầu như không có Phật tử nào đăng ký tham gia các khóa học ở Pali. Chỉ những sinh viên đang theo học tiếng Pali như một trong những môn tùy chọn của họ là những sinh viên tiếng Phạn, mặc dù họ đạt kết quả tốt trong các kỳ thi, thì có một chút gắn kết tình cảm với tiếng Pali. Do vậy mà tiếng Pali vẫn còn là một môn học không được quan tâm lắm trong trường Đại học mãi đến cuối thiên niên kỷ trước.

Thiên niên kỷ mới mang theo một tia hy vọng cho sự hồi sinh của việc nghiên cứu tiếng Pali ở Đại học Pune. Vào năm 2002, tôi đã có những sinh viên Ấn Độ đầu tiên của mình về tiếng Pali, là người thực sự quan tâm đến việc nghiên cứu ngôn ngữ và văn học của Pali. Điều thú vị là những sinh viên này là Phật tử của Maharashtra Ambedkarite, là những người đã có “một số cơ hội tuyệt vời” đã biết được Pali, là ngôn ngữ của tôn giáo của họ, đang được giảng dạy tại Đại học Pune. Lý do để nói ‘bởi một số cơ hội tuyệt vời’ là vì tên của một khoa của trường Đại học nơi tiếng Pali được dạy là Khoa Ngôn ngữ Phạn và Prakrit khiến mọi người không biết gì về sự tồn tại của bất kỳ khóa học ngôn ngữ Pali nào trong khoa này. Một khóa học mới về chứng chỉ tiếng Pali của tôi bao gồm ba sinh viên lớn tuổi, hai trong số đó là ở độ tuổi 40, còn người kia là một người đàn ông đã nghỉ hưu, trên 60. Các sinh viên rất năng động nhưng lại có quá nhiều trách nhiệm với công việc, gia đình và trong cộng đồng. Động lực chính của họ đằng sau việc nghiên cứu Pali là tôn giáo. Họ có niềm tin mãnh liệt vào Đức Phật và Tiến sĩ Ambedkar. Họ đang nghiên cứu để biết những lời dạy của Đức Phật trong những gì họ tin là ngôn ngữ gốc mà Đức Phật đã dạy cách đây hơn 2500 năm. Họ học không chỉ để học những lời dạy của Đức Phật mà còn để truyền bá những gì họ đã học cho những

người đồng đạo của họ. Họ đã nghiên cứu Pali không phải là đam mê tiêu khiển, mà vì một mục đích.

Trong những năm tiếp theo, khoa đã chứng kiến sự tăng trưởng ổn định và lành mạnh về số lượng sinh viên Ấn Độ. Trong những năm đầu của thiên niên kỷ mới, tôi đã tiếp xúc với một số thiền sư Phật giáo là trợ lý của Vipassana (“Thiền Minh Sát” hoặc “Thiền Tứ Niệm Xứ”) theo truyền thống của một bậc thầy của Thiền Vipassana S.N Goenka. Truyền thống này có nguồn gốc từ Phật giáo Nguyên Thủy (Theravada) của Miến Điện. Là một phần trong nỗ lực để phổ biến thiền Vipassana trong quần chúng Ấn Độ, bên cạnh việc thành lập trung tâm thiền Goenka đã thành lập Viện nghiên cứu Thiền Vipassana (VRI) vào năm 1985 tại Igatpuri, Maharashtra. Dưới sự bảo trợ của VRI, Goenka đã xuất bản Kinh Phật giáo bằng tiếng Pali cùng với những bình luận văn học của nó trong một kịch bản nổi tiếng Nagari với 140 tập. Mặc dù Goenka không nhấn mạnh nhiều về tầm quan trọng cho nghiên cứu học thuật về kinh điển Pali, ông vẫn thừa nhận tầm quan trọng của các bài giảng Pali là nguồn cảm hứng và hướng dẫn cho các thiền giả Vipassana. Trong khóa tu thiền của mình, mỗi buổi sáng, một bài tụng kinh được ghi âm sẵn những bài kệ từ kinh điển Pali được phát ra bằng giọng của Goenka. Việc tụng kinh này đã khơi gợi sự tò mò lớn và cảm giác tôn kính về Pali trong số các người đang thực hành Thiền Vipassana. Nó truyền cảm hứng cho một số người trong số họ tham gia một nghiên cứu nghiêm túc về Pali như một sự trợ giúp cho hành trình tâm linh của họ. Những học viên với hoài bão như vậy về Pali bao gồm một số ít nhưng đáng chú ý các Phật tử của Ambedkarite, là những người có niềm tin mãnh liệt vào S.N Goenka với tư cách là một giáo viên và Thiền Vipassana của ông như một hình thức thực hành Phật giáo thực sự và thuần túy. Những học viên như vậy đã chuyển sang khoa để học Pali với sự chân thành cao nhất.

Trong số những sinh viên nước ngoài đầu tiên của tôi có một sinh viên người Anh, là thành viên của Hội Phật giáo phương Tây của Urygen Sangharakshita. Ông là người lần đầu tiên giới thiệu cho tôi biết về thực hành thiền định Phật giáo, cuộc sống và giáo lý của Urygen Sangharakshita, và công việc, các thành viên của

Cộng đồng Phật giáo Trailokya mà Sangharakshita được thành lập vào năm 1979 để tổ chức các Phật tử ở Ấn Độ. Theo chân sinh viên người Anh này, các thành viên khác của Cộng đồng Phật giáo Trailokya đã gia nhập khoa để học tiếng Pali. Tiếng Phạn thường được nhận thức và miêu tả như một ngôn ngữ gần giống với đạo Bà la môn. Như một phản ứng đối với cái gọi là liên kết Bà la môn giáo, các Phật tử của Ambedkarite đã ít nhiều miễn cưỡng nghiên cứu các văn bản Phật giáo bằng tiếng Phạn ở cả hình thức cổ điển và hỗn hợp. Hơn nữa, họ có một ấn tượng chung rằng kinh điển Phật giáo trong tiếng Pali là nguyên bản và do đó mà xác thực hơn so với các văn bản tiếng Phạn, đại diện cho một hình thức lệch lạc Bà la môn của Phật giáo. Do cách tiếp cận cởi mở của Sangharakshita đối với các trường phái của Phật giáo Nguyên Thủy (Theravada) và Đại thừa (Mahayana) của các thành viên Phật giáo theo trật tự này dần dần mở ra cho việc nghiên cứu các văn bản Phật giáo tiếng Phạn bên cạnh tiếng Pali. Họ đã trở thành một trong những sinh viên đầu tiên của chúng tôi về kinh điển Phật giáo tiếng Phạn. Nhiều năm trôi qua, các sinh viên Phật giáo Ambedkarite bắt đầu nhận thức được tầm quan trọng của việc nghiên cứu các văn bản Phật giáo tiếng Phạn và các bản dịch tiếng Tây Tạng của họ theo quan điểm lịch sử và triết học.

Vào năm 2006, nghiên cứu về văn học Phật giáo Pali và tiếng Phạn đã nhận được một sự thúc đẩy lớn khi Phó hiệu trưởng của Đại học Pune, ông là một Phật tử và cũng là một thiền giả Thiền Vipassana, ông đã quyết định thành lập một khoa độc lập về Pali. Tôi được bổ nhiệm làm người đứng đầu của khoa mới này. Cùng với các đồng nghiệp và sinh viên của chúng tôi, chúng tôi bắt đầu tổ chức các chiến dịch thường xuyên để nâng cao nhận thức để cảm hóa mọi người dân về ngôn ngữ Pali và di sản văn học phong phú của Phật giáo. Thông qua các chiến dịch và công khai truyền miệng tích cực, nhiều Phật tử Ambedkarite đã gia nhập khoa trong những năm tiếp theo. Những sinh viên này thường đến khoa với một số quan niệm có trước về Phật giáo. Một số thật lòng tin vào sự tái sinh và sự tồn tại của thế giới khác, một số người khác thì không. Một số người tuân thủ mạnh mẽ việc thực hành thiền định, và coi

đó là cốt lõi của Phật giáo, trong khi những người khác là những người phản đối việc theo đuổi của thiên định và nghi lễ. Đối với họ, thông điệp cho xã hội của Đức Phật là trái tim của giáo lý của Đức Phật. Bất chấp những khác biệt về ý thức hệ, tất cả họ đều có niềm tin không lay chuyển vào những lời dạy của Tiến sĩ Ambedkar và những thuyết trình của ông về giáo lý của Đức Phật. Hành trình riêng của Tiến sĩ Ambedkar từ việc trở thành một nhà lãnh đạo của cái gọi là những người thấp kém, bị áp bức (các tầng lớp bị áp bức) cho đến là người đã đưa ra một con đường mới của Phật giáo được xem là mẫu mực cho những người theo ông.

Vì Tiến sĩ Ambedkar nổi tiếng, đã tiếp xúc với Phật giáo trong những năm đầu đời khi giáo viên của ông là ông Krishnaji Arjun Keluskar đã trình bày cho ông tiểu sử của Đức Phật mà chính ông đã viết. (Zelliot, 1979, trang 391). Sau khi tuyên bố rời khỏi Ấn Độ giáo vào năm 1935 tại Yeole, ông bắt đầu khám phá và kiểm tra các lựa chọn khác nhau để chuyển đổi sang. Rõ ràng là trong khoảng thời gian này, ông đã rất ấn tượng bởi hai nhân cách tôn giáo lớn: Đạo sư Nanak, người sáng lập đạo Sikh và Đức Phật, cha đẻ của Phật giáo. (Ambedkar, 1945, trang 60). Người ta đã ghi nhận rằng ngay sau khi công bố rời khỏi Ấn Độ giáo, một tu sĩ Phật giáo tên là Lokanatha đã gặp ông tại dinh thự của ông ở Mumbai vào ngày 10 tháng 6 năm 1936, và mời ông cùng với với các tín đồ của ông tham gia Phật giáo. Sau đó trong một cuộc phỏng vấn, ông đã cho biết rằng Tiến sĩ Ambedkar rất ấn tượng với Phật giáo, và bày tỏ hoài bão chuyển đổi tất cả người dân thấp kém, bị áp bức (Dalits) sang Phật giáo. (Ambedkar, 2016, trang 8). Vào năm 1937, Lokanatha đã xuất bản một cuốn sách nhỏ với tựa đề *"Phật giáo sẽ làm bạn tự do"* khuyến khích các tầng lớp bị áp bức của Ấn Độ để chuyển đổi sang Phật giáo. Vào cuối bài diễn văn nổi tiếng của ông *"Cách giải phóng"* (*"What way liberty"*) được phát biểu tại Mumbai vào năm 1936. Tiến sĩ Ambedkar đã trích dẫn một đoạn từ "Kinh Đại Niết-bàn" (*"Mahaparinibbanasutta"*), trong đó Đức Phật khuyến đệ tử lớn của mình là Ngài A-nan-đà hãy quy y. Phát biểu trước khán giả, Tiến sĩ Ambedkar nói rằng, "nếu bạn ghi nhớ thông điệp này của Đức Phật vào thời điểm này, tôi chắc chắn rằng quyết định của

bạn sẽ không sai.” (Ambedkar, 2016, trang 5). Đây dường như là một dấu hiệu rõ ràng về khuynh hướng của ông đối với Phật giáo như một ứng cử viên mạnh mẽ cho việc chuyển đổi tôn giáo của ông. Cho đến cuối cùng khi ông chuyển sang Phật giáo vào ngày 14 tháng 10 năm 1956 Tiến sĩ Ambedkar đã bận rộn chuẩn bị bản thân và người dân của mình cho việc chuyển đổi hoàn toàn này. Anh ta nhận cho mình một nhiệm vụ nghiên cứu Phật giáo chủ yếu thông qua các nguồn thứ cấp và bản dịch có sẵn cho anh ta. Ông cũng bắt đầu tham gia các bài học về Pali dưới sự giáo huấn của Ishwar datt (Bellwinkel-Schempp, 2004, trang 235) với lòng nhiệt thành và chân thành tuyệt vời. (Deokar, 2012, trang 63). Ông đã làm tất cả công việc khó khăn để chuẩn bị nền tảng tư tưởng, văn học và thể chế cho sự thành công và duy trì của phong trào Phật giáo mới.

Đáng ghi nhớ là ngày 14 tháng 10 năm 1956, ngày mà Tiến sĩ Ambedkar chấp nhận Phật giáo cùng với hàng triệu tín đồ của ông, được gọi là ngày của “*Chuyển Bánh xe Pháp Pháp*” (*dhamma-cakrapravartana*). Thuật ngữ này thường được sử dụng để nói đến sự kiện lịch sử của bài thuyết giảng đầu tiên của Đức Phật đối với năm khổ hạnh khi Ngài bắt đầu truyền bá giáo lý của mình. Để đáp ứng nhu cầu về một cuốn cẩm nang tôn giáo toàn diện và gắn kết có những ý nghĩa về cuộc đời và giáo lý của Đức Phật, Tiến sĩ Ambedkar đã viết *kiệt tác phẩm vĩ đại của Đức Phật và Giáo pháp của Ngài*. Trong cuốn sách này, không giống như các giảng giải truyền thống, ông đã trình bày Phật giáo theo cách phù hợp với xã hội ngày nay. Ông đã khai quật thông điệp xã hội của Đức Phật và cho thấy một cách rõ ràng các giá trị xã hội hiện đại về tự do, bình đẳng, tình huynh đệ và công lý vốn có trong giáo lý của Đức Phật. Trong bài viết *Đức Phật và Giáo pháp của Ngài*, ông đã sử dụng rộng rãi các tài liệu Pali, tiếng Phạn và các văn bản Phật giáo tiếng Trung Quốc có sẵn cho ông dưới dạng bản dịch. Tiến sĩ Ambedkar thành lập các tổ chức như Siddhartha College ở Mumbai, Milind College ở Aurangabad, một tổ chức tôn giáo và xã hội Phật giáo gọi là Hội Phật giáo Ấn Độ và một tờ báo có tên là “*Mitchuddha Bharat*” (“*Ấn Độ giác ngộ*”). Ông cũng đã lên kế hoạch cho một Trung tâm Phật giáo gần Bangalore để truyền đạt giáo dục Phật giáo. Thông qua

tất cả những nỗ lực này, ông ta đã cố gắng thay thế cái danh tính của những người thấp kém, bị áp bức (Dalit) của đồng bào của ông bằng một danh tính Phật giáo mới. Trong bài phát biểu được đưa ra một ngày sau khi chuyển đổi hàng loạt, Tiến sĩ Ambedkar tuyên bố rõ ràng sự xuất hiện của danh tính mới này. Ông nói “Một Phật tử Mahar không nói xấu chúng tôi. Cách của chúng tôi là cách của Đức Phật. Chúng tôi sẽ đi theo con đường của chúng tôi. Những người khác nên đi theo con đường của họ. Chúng tôi đã tìm thấy một cách mới. Đây là ngày của hy vọng. Đây là một cách thành công, thịnh vượng.” (Ambedkar 2016: 78-80). Ông đã khắc sâu vào tâm trí của những người theo ông một ý thức trách nhiệm tuyệt vời bằng cách thúc giục họ quan sát tôn giáo Phật giáo một cách tốt nhất có thể. Ông cảnh báo họ bằng việc nói rằng “không nên để xảy ra rằng người Mahar sẽ đưa Phật giáo đến một trạng thái thấp. Chúng ta nên đưa ra quyết định vững chắc. Nếu chúng ta thực hiện điều này thì chúng ta đã tự cứu lấy mình, chúng ta đã cứu đất nước của chúng ta - và không chỉ có vậy, mà chúng ta cũng cứu cả thế giới” (Ambedkar, 2016, trang 83). Ông thúc đẩy những người vừa chuyển đổi mới nên truyền bá Phật giáo. Ông cam kết truyền vào Ấn Độ tinh thần Phật giáo.

Tầng lớp Phật tử có học thức của Ambedkarite đã thực hiện nghiêm túc lời khuyên này. Họ quan tâm đến việc nghiên cứu Pali để có hiểu biết cho chính mình những lời dạy của Đức Phật. Sau khi học ngôn ngữ tại trường đại học, nguyện vọng chính của họ là giảng dạy giáo lý Phật giáo cho người khác thông qua các buổi nói chuyện công khai, các khóa tu tôn giáo hoặc các cuộc họp hàng tuần trong các ngôi chùa Phật giáo. Việc nghiên cứu về Pali đang dần trở thành một biểu tượng về bản sắc văn hóa của họ với tư cách là Phật tử. Những người nghiên cứu văn học cổ đại này được tôn trọng trong cộng đồng của họ cũng như trong gia đình của họ. Những người trưởng thành có giáo dục như vậy truyền cảm hứng cho các thành viên gia đình, người thân và bạn bè của họ để nghiên cứu những lời của Đức Phật. Trong mười lăm năm qua, điều này đã biến thành hiệu ứng quả cầu tuyết (*Người dịch: cách nói ẩn dụ, là một quá trình bắt đầu từ trạng thái ban đầu có ý nghĩa nhỏ và tự nó phát triển, trở nên lớn hơn.*) Do đó, số lượng sinh viên

Ấn Độ học văn học Phật giáo Pali và tiếng Phạn đã tăng từ con số có một chữ số lên đến bốn trăm trong năm học hiện nay. Bằng cách nghiên cứu các tài liệu Phật giáo, Phật tử Ambedkarite đang có được ý thức hoàn thành sứ mệnh của họ. Họ cảm thấy rằng bằng cách này, bằng cách trở thành những Phật tử tốt hơn và bằng cách truyền bá Phật giáo giữa những người đồng bào của họ, họ đang thực hiện giấc mơ của Tiến sĩ Ambedkar, và đang trở thành đồng chí của cuộc cách mạng thâm lặng. Những sinh viên này đến từ các nền ngành nghề khác nhau của họ, trẻ và già, nam và nữ. Một số là công nhân nhà máy, tài xế lái xe, giáo viên, bác sĩ, nhân viên hành chính, nhà hoạt động xã hội, và cả các chính trị gia. Có phụ nữ làm việc và các bà nội trợ. Học viên nhỏ tuổi nhất của chúng tôi đang ở độ tuổi hai mươi và lớn tuổi nhất vào ngoài năm bảy mươi và hơn tám mươi một chút. Có nhiều người đã bước vào giáo dục đại học sau một khoảng thời gian gián đoạn tới hơn hai mươi đến ba mươi năm. Thật đáng kinh ngạc khi thấy sự cam kết và nhiệt tình của họ khi nghiên cứu ngôn ngữ cổ này. Đối với hầu hết trong số họ đó là một hành trình; một hành trình tìm kiếm gốc rễ của họ. Trong khi nghiên cứu những lời của Đức Phật dạy, dường như họ đã tìm thấy mục đích của cuộc đời họ.

Tôi coi đây là một kỷ nguyên mới của sự thức tỉnh. Tuy nhiên, từ quan điểm học thuật, còn có một chặng đường dài để đi. Như Đức Phật đã nói, “Đức tin là một động lực. Nó là một hạt giống. Tuy nhiên, nó đòi hỏi sự chăm sóc của làm việc chăm chỉ để phát triển mạnh. Chỉ khi có sự kiên trì và trau dồi trí tuệ mà người ta có thể mong đợi những tiêu chuẩn cao trong học thuật. Một thực tế đáng lo ngại là mặc dù có số lượng lớn các sinh viên học tiếng Pali hoặc tiếng Phạn ở Ấn Độ, chúng tôi không thể tạo ra một số lượng lớn các học giả trong lĩnh vực nghiên cứu Phật giáo. Tuy nhiên, tôi hoàn toàn không phải là bi quan về vấn đề này. Tôi hy vọng rằng trong số các sinh viên tận tâm của Phật giáo Ambedkarite, chúng ta sẽ tìm thấy các học giả tương lai của tiếng Pali và tiếng Phạn, người giống như Tiến sĩ Ambedkar thông qua viễn cảnh tươi mới của họ sẽ tìm thấy trong văn học cổ đại này những suy nghĩ và ý tưởng có sức mạnh biến thế giới hiện tại thành một nơi tốt hơn để sinh sống.

Để biến hy vọng của chúng ta thành hiện thực, chúng ta đang thực hiện một số nỗ lực có hệ thống. Trước tiên, chúng ta phải xác định các nhà nghiên cứu có tiềm năng tốt và sau đó cố gắng gây ấn tượng với họ về tầm quan trọng của nghiên cứu hiện đại. Những người thể hiện tiềm năng nghiên cứu tốt sau đó được bồi dưỡng bằng cách đào tạo nghiên cứu, đó là một phần trong công việc khóa học của chúng tôi để đạt bằng cấp Thạc sĩ (M.Phil), kế tiếp là bằng Tiến sĩ (Ph.D). Các sinh viên có triển vọng được trao kinh nghiệm đầu tiên trong nghiên cứu bằng cách đưa họ cò sát vào các dự án nghiên cứu khác nhau. Để học thuật được tiếp cận đến các sinh viên của chúng tôi, các học giả hàng đầu từ các lĩnh vực nghiên cứu Phật giáo khác nhau được mời đến khoa theo các chương trình khác nhau như Chương trình Giáo sư thỉnh giảng của Tổ chức Khyentse Ấn Độ. Theo chương trình này, các học giả quốc tế nổi tiếng cung cấp các khóa học trong lĩnh vực chuyên môn của họ. Các khóa học như vậy đưa sinh viên của chúng tôi cò sát với các xu hướng mới trong nghiên cứu và phương pháp liên quan. Họ cũng giúp sinh viên phát triển quan điểm rộng hơn về nghiên cứu Phật giáo và mở rộng phạm vi kiến thức của họ. Các khóa học này đang được chứng minh là nơi đào tạo tốt cho sinh viên của chúng tôi trong tư duy hợp lý và phê phán. Trong khi thiết kế giáo trình của chúng tôi, chúng tôi phải quan tâm đặc biệt để đưa vào đó các lĩnh vực khác nhau của nghiên cứu Phật giáo. Chúng tôi tổ chức các chương trình đặc biệt như tham quan học tập đến các địa điểm khảo cổ Phật giáo, trung tâm tôn giáo và các tổ chức học thuật để phát triển trong sinh viên một cái nhìn rộng hơn về Nghiên cứu Phật giáo. Những điều này đang giúp sinh viên vượt qua những rào cản của những thiên vị và thành kiến cá nhân, và tiếp cận nghiên cứu học thuật với một tinh thần cởi mở.

Các sinh viên tu viện của chúng tôi, mặc dù yếu về tiếng Anh và phương pháp nghiên cứu hiện đại, thường có nền tảng học tập truyền thống mạnh mẽ. Đây là vốn đáng quý quan trọng đối với họ trong khi thực hiện nghiên cứu Phật giáo. Về vấn đề này, họ thường vượt qua sinh viên được đào tạo trong giáo dục đại học hiện đại. Nếu họ được đào tạo bài bản về tiếng Anh và phương pháp nghiên

cứu, họ chắc chắn có thể tận dụng tuyệt vời cách học tập truyền thống trong nghiên cứu của họ. Các sinh viên của chúng tôi với một nền tảng mạnh mẽ của thực hành thiền định chắc chắn có sự hiểu biết tốt hơn về các chủ đề liên quan đến tu luyện tinh thần hơn những người khác. Các khoa tâm thần phát triển của riêng họ có thể chứng minh hữu ích trong việc theo đuổi chặt chẽ và triệt để bất kỳ chủ đề nghiên cứu nào mà họ muốn thực hiện. Các học viên Ambedkarite của chúng tôi có thiên hướng mạnh mẽ về phân tích hợp lý và phân biện, được lấy cảm hứng từ cách suy nghĩ riêng của Tiến sĩ AMBEDKAR. Nó có thể được phát triển thêm và định hướng đúng để giải quyết bất kỳ vấn đề nghiên cứu quan trọng nào. Vì vậy, các học viên thuộc tất cả các nhóm sẽ có những điểm mạnh nhất định, mà nó có thể giúp cân bằng những điểm yếu của họ. Vì là một học viện, chúng tôi cố gắng bổ sung cho thế mạnh của họ bằng cách cung cấp cho họ những đào tạo về những chủ đề mà họ còn bị hạn chế.

Các học viên của chúng tôi thuộc các nhóm khác nhau có một cam kết mạnh mẽ đối với Phật giáo. Đó là cam kết đưa họ đến giáo dục đại học ngay cả sau một khoảng cách dài gián đoạn việc học. Khi phần lớn mọi người dành thời gian cho các hoạt động vô mục đích, những sinh viên này luôn nỗ lực học tập Phật giáo. Điều cần thiết trong trường hợp của họ là cân bằng khoa đức tin (*saddhā*) của họ bởi khoa trí tuệ (*paññā*), có nghĩa là, sự cam kết của họ cần có tư duy phân biện. Chúng tôi yêu cầu các sinh viên của chúng tôi phân biệt giữa đức tin của họ trong một ý thức hệ cụ thể và nghiên cứu học thuật của họ theo cách mà cái trước không đi theo cách của cái sau. Chúng tôi sử dụng các ví dụ từ cuộc đời của Đức Phật và Tiến sĩ AMBEDKAR để làm nổi bật tầm quan trọng của tư duy phân biện và đặt câu hỏi. Dần dần nhưng chắc chắn những nỗ lực này đang được đền đáp. Thay vì trở thành một trở ngại trong nghiên cứu học thuật, đức tin của các sinh viên của chúng tôi đang dần chuyển mình thành một niềm tin để nghiên cứu Phật giáo. Tôi chắc chắn rằng những sinh viên này sẽ là nhà lãnh đạo học thuật của thế hệ tương lai, và sẽ đem đến những phương pháp mới trong nghiên cứu về Phật giáo./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ambedkar, B. R., 1945. *Annihilation of Caste with A Reply to Mahatma Gandhi*. Third ed. Amritsar: The Ambedkar School of Thoughts.
2. Ambedkar, B. R., 2016. *Babasaheb Dr. B. R. Ambedkar on Buddhism*. First ed. Pune: Jambudvipa Trust.
3. Bellwinkel-Schempp, M., 2004. Roots of Ambedkar Buddhism in Nagpur. In: Jondhale, and Beltz, ed. *Reconstructing the World: B.R. Ambedkar and Buddhism in India*. New Delhi: Oxford University Press, pp. 221-244.
4. Deokar, M. A., 2012. The State of Buddhism in India: Past, Present and Future. In: A. T. Oliver Abenayake, ed. *2600 Years of Sambuddhatva Global Journey of Awakening*. Colombo: Ministry of Buddhasasana and Religious Affairs, pp. 47-84.
5. Zelliott, E., 1979. The Indian Rediscovery of Buddhism, 1855-1956. In: A. K. Narain, ed. *Studies in Pali and Buddhism A Memorial Volume in Honor of Bhikkhu Jagdish Kashyap*. Delhi: B. R. Publishing Corporation, pp. 389-406.

ISBN: 978-955-9349-33-4.

